

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo (điều chỉnh)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-XHNV ngày 05 ngày 03 tháng 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3638/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Khảo cổ học, mã số chuyên ngành: 9229010.01

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Khảo cổ học ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho nghiên cứu sinh từ khóa tuyển sinh

năm 2022 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Tổ chức – Cán bộ, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Trưởng khoa Lịch sử và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Hoàng Anh Tuấn

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

NGÀNH: LỊCH SỬ

MÃ SỐ: 9229010.01

CHUYÊN NGÀNH: KHẢO CỔ HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2881/QĐ-XHNV ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:

+ Tên tiếng Việt: Khảo cổ học

+ Tên tiếng Anh: Archaeology

- Tên ngành đào tạo:

+ Tên tiếng Việt: Lịch sử

+ Tên tiếng Anh: History

- Mã số chuyên ngành đào tạo: 9229010.01

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

- Thời gian đào tạo: 3 năm đối với người có bằng thạc sĩ, 4 năm đối với người có bằng tốt nghiệp đại học

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

+ Tên tiếng Việt: Tiến sĩ ngành Lịch sử

+ Tên tiếng Anh: The Degree of Doctor of Philosophy in History

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Khảo cổ học trình độ cao về lí thuyết và thực hành, chuyên sâu về khảo cổ học, góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Đào tạo nguồn nhân lực khảo cổ học chất lượng cao, vận dụng tốt tri thức về thế giới quan và phương pháp luận triết học Mác - Lênin vào nghiên cứu các lĩnh vực khoa học xã hội - nhân văn; áp dụng được cách tiếp cận và phương pháp luận trong khoa học xã hội và nhân văn nói chung và trong các khoa học lịch sử nói riêng; áp dụng các tri thức cơ bản và chuyên sâu của khảo cổ học để đánh giá, lí giải, phản biện, tư vấn và xây dựng phương án nghiên cứu, bảo tồn, phát huy giá trị di sản khảo cổ học ở Việt Nam hiện nay.

Đào tạo chuyên gia khảo cổ học có tư duy độc lập và năng lực sáng tạo đáp ứng yêu cầu phát hiện, nghiên cứu, phân tích và đánh giá các vấn đề thực tiễn trong khảo cổ học. Trên cơ sở đó, có thể tư vấn, đề xuất các giải pháp chính sách phù hợp đối với công tác hoạch định và thực hiện chính sách về lịch sử văn hóa trong bối cảnh phát triển kinh tế văn hóa ở nước ta hiện nay.

Đào tạo đội ngũ tri thức công tác trong lĩnh vực tài nguyên văn hóa, có đạo đức và phẩm chất tốt, có khả năng thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau để dẫn dắt và định hướng hoạt động chuyên môn của nhóm, có tính tự chủ và trung thực trong hợp tác, dũng cảm trong công bố và bảo vệ quan điểm cá nhân.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

Xét tuyển thông qua việc đánh giá hồ sơ chuyên môn theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

3.2. Đối tượng tuyển sinh

3.2.1. Yêu cầu về văn bằng

- Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học chính quy hạng Giỏi trở lên ngành/chuyên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành/chuyên ngành Khảo cổ học. Trường hợp thí sinh cần học bổ sung kiến thức cần hoàn thành trước khi đăng kí dự tuyển. Cụ thể, đối tượng tuyển sinh cần đáp ứng một trong những điều kiện sau đây về văn bằng:

+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành/chuyên ngành phù hợp 1;

+ Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc trường hợp khác (nếu có);

- Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3.2.2. Yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm nghiên cứu

- Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng kí dự tuyển.

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu. Riêng thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học. Công bố khoa học có thể là bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc báo cáo khoa học đăng tại kỷ yếu các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư ngành/liên ngành công nhận.

- Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lí do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lí do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ.

- Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá ứng viên dự tuyển về:

+ Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

+ Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh (nếu có);

+ Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

3.2.3. Yêu cầu về ngoại ngữ

- Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ phù hợp với chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, một phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc sư phạm tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

+ Có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương trình độ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng kí dự tuyển được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQGHN chấp nhận.

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng kí theo học chương trình đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của chương trình đào tạo (nếu có).

3.2.4. Yêu cầu khác

- Có lí lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của đơn vị.

3.3. Danh mục ngành/ chuyên ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức

3.3.1. Danh mục ngành/chuyên ngành phù hợp

- Ngành phù hợp 1: Khảo cổ học, Lịch sử, Sư phạm lịch sử.

- Ngành phù hợp 2: Các ngành trong nhóm ngành Khác lĩnh vực nhân văn, Bảo tàng học.

- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành; báo cáo ĐHQGHN trước khi tuyển sinh và chịu trách nhiệm về việc đánh giá chuyên môn này.

3.3.2 Danh mục học phần bổ sung kiến thức với đối tượng ngành phù hợp 2

STT	Học phần	Số tín chỉ
1	Khảo cổ học Việt Nam	2
2	Một số vấn đề khảo cổ học khu vực	2
3	Khảo cổ học nghệ thuật và kiến trúc cổ Việt Nam	2
4	Các phương pháp nghiên cứu khảo cổ học sau khai quật	2
5	Khảo cổ học biển đảo Việt Nam	2
6	Gốm sứ học và lịch sử gốm sứ Việt Nam	2
Tổng		12

3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh

- Theo chỉ tiêu được ĐHQGHN cấp hàng năm (dự kiến tuyển sinh từ 2-3 NCS/ 1 năm).

- Kế hoạch tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN, và đề án tuyển sinh của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn được ĐHQGHN phê duyệt (nếu có).

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Yêu cầu về chất lượng luận án

- Luận án phải là công trình nghiên cứu khoa học độc lập, có đóng góp mới cho việc giải quyết vấn đề khoa học, lí luận hoặc thực tiễn đang đặt ra, góp phần xây dựng, hình thành khung lí thuyết mới, hệ tư tưởng mới phù hợp với chuyên ngành Khảo cổ học.

- Đề tài luận án phải được tiểu ban chuyên môn thông qua trong quy trình xét tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ, được thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định giao đề tài và người hướng dẫn. Nghiên cứu sinh phải trình bày nội dung, kế hoạch nghiên cứu trước đơn vị chuyên môn chậm nhất 3 tháng sau khi nhận đề tài luận án và báo cáo kết quả nghiên cứu 6 tháng 1 lần trong thời gian thực hiện luận án. Kết quả đánh giá báo cáo là điều kiện để xem xét việc đề nghị cho bảo vệ luận án.

- Có cam đoan và chữ kí của nghiên cứu sinh về nội dung luận án.

- Cấu trúc luận án đảm bảo tối thiểu gồm các phần sau: Mở đầu; Tổng quan tài liệu nghiên cứu; Câu hỏi nghiên cứu; Cơ sở lí thuyết; Phương pháp nghiên cứu; Kết quả nghiên cứu và các phân tích, lí giải; Kết luận; Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án theo quy định của đơn vị đào tạo; Danh mục các công trình đã công bố liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh kèm theo văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có); Phụ lục (nếu có).

- Tuân thủ các quy định về quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ.

- Luận án được viết bằng tiếng Việt, sử dụng chữ thuộc mã Unicode, loại chữ Time New Roman, cỡ chữ 13, không quá 300 trang (không kể phụ lục), trong đó có ít nhất 50% số trang trình bày, phân tích và lí giải kết quả nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

- Hình thức và cấu trúc của luận án tuân thủ Quy chế đào tạo tiến sĩ tại ĐHQGHN.

- Bản tóm tắt của luận án phản ánh trung thực cấu trúc và nội dung của toàn văn luận án, phải ghi đầy đủ phần kết luận của luận án. Bản thông tin luận án khoảng 3-5 trang bằng tiếng Việt và Tiếng Anh trình bày tóm tắt nội dung chính, kết quả nghiên cứu, đóng góp quan trọng nhất của luận án.

2. Yêu cầu về năng lực nghiên cứu

- Nghiên cứu sinh công bố kết quả nghiên cứu của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành với vai trò là tác giả chính (tác giả tên đầu/tác giả liên hệ), có tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả). Các công bố quốc tế phải được viết bằng tiếng nước ngoài, các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tối thiểu 0,75 điểm và phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

+ Có tối thiểu 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus);

+ Có 01 bằng phát minh sáng chế/giải pháp hữu ích đã được cấp và tối thiểu 01 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỉ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN;

+ Có 02 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỉ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN.

3. Chuẩn đầu ra về kiến thức

3.1. Kiến thức chung (đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ)

- **PLO 1:** Phân tích thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác – Lênin vào nhận thức và nghiên cứu các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn và hoạt động thực tiễn của người học.

3.2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành (đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ)

- **PLO 2:** Lí giải một cách hệ thống các vấn đề của lịch sử bằng việc áp dụng các phương pháp, lí thuyết nghiên cứu của khoa học lịch sử và các ngành khoa học liên quan.

- **PLO 3:** Đánh giá một cách khách quan về một số vấn đề nghiên cứu chuyên sâu của khảo cổ học Việt Nam và khảo cổ học thế giới.

- **PLO 4:** Áp dụng tốt các phương pháp nghiên cứu của khoa học lịch sử, đặc biệt là các phương pháp khảo cổ học; biết xây dựng, quản lí và triển khai các dự án nghiên cứu lí thuyết và nghiên cứu ứng dụng liên quan đến các vấn đề khảo cổ, lịch sử, văn hóa, xã hội, kinh tế, phát triển, bảo tồn, phát huy di sản văn hoá. Trên cơ sở đó có khả năng phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp chính sách phù hợp cho công tác hoạch định, thực hiện chính sách của Đảng, Nhà nước và các tổ chức dân sự.

- **PLO 5:** Xác định được những chủ đề then chốt của chuyên ngành, gồm: Khảo cổ học và/với di sản; Các phương pháp nghiên cứu khảo cổ học sau khai quật; các vấn đề khảo cổ học Việt Nam và khu vực, của khảo cổ học hiện đại; các loại hình khảo cổ học nghệ thuật và kiến trúc cổ, nghi lễ và tôn giáo, gốm sứ, đô thị, thương mại, biển đảo, nông nghiệp; Chính sách di sản khảo cổ học...

3.3. Kiến thức học phần và chuyên đề tiến sĩ

- **PLO 6:** Lí giải ở trình độ chuyên gia các vấn đề lí luận và thực tiễn của chuyên ngành khảo cổ học; tổng hợp được các khối kiến thức tiến tiến, chuyên sâu và cốt lõi về các vấn đề chính của khảo cổ học: trường phái khảo cổ học hiện đại; về các loại hình khảo cổ học 10 thế kỉ đầu Công nguyên, khảo cổ học Đại Việt, khảo cổ học Champa, khảo cổ học Óc Eo và vấn đề vương quốc Phù Nam; Lịch sử kiến trúc và nghệ thuật điêu khắc Việt Nam; Thời đại kim khí Việt Nam...

- **PLO 7:** Phát triển các kiến thức nền tảng của chuyên ngành, các lí thuyết và phương pháp nghiên cứu để triển khai viết tiểu luận tổng quan, các chuyên đề nghiên cứu và luận án tiến sĩ, cũng như trong hoạt động nghiên cứu khoa học khác và hoạt động thực tiễn.

- **PLO 8:** Tổ chức nghiên cứu và công bố kết quả nghiên cứu chuyên đề một cách rõ ràng, thuyết phục và chuyên nghiệp nhất có thể.

- **PLO 9:** Đánh giá, phản biện và tư vấn về những vấn đề lí luận, phương pháp và

kết quả nghiên cứu liên quan đến hướng nghiên cứu chuyên đề.

4. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

- **PLO 10:** Có khả năng làm chủ một cách sáng tạo và độc lập các kiến thức của ngành và chuyên ngành trong nghiên cứu khoa học, giảng dạy và hoạt động thực tiễn.

- **PLO 11:** Có kỹ năng phát hiện, phân tích tổng hợp các vấn đề phức tạp và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề; sáng tạo tri thức mới trong lĩnh vực chuyên môn; có khả năng thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong hoạt động chuyên môn; có kỹ năng lãnh đạo tổ chức, năng lực tổng hợp trí tuệ tập thể, dẫn dắt chuyên môn để xử lý các vấn đề quy mô khu vực và quốc tế.

- **PLO 12:** Có tư duy độc lập, năng lực sáng tạo và các kỹ năng cần thiết: xây dựng triển khai đề án khảo cổ học, công bố công trình nghiên cứu, thảo luận trong nước và quốc tế, thuyết trình các vấn đề khoa học, viết tổng quan khoa học.

- **PLO 13:** Có khả năng thiết kế, quản lý và triển khai một cách độc lập, sáng tạo các đề tài/dự án nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng liên quan đến các vấn đề khảo cổ học, lịch sử, văn hóa... Trên cơ sở đó, có khả năng tư vấn, đề xuất các giải pháp chính sách phù hợp cho công tác hoạch định và thực hiện chính sách.

5. Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm

- **PLO 14:** Có đạo đức và phẩm chất của một chuyên gia trong lĩnh vực khảo cổ, bảo tồn và phát triển tài nguyên văn hóa; chuyên nghiệp và có khả năng sáng tạo tri thức mới trong nghiên cứu khoa học, ứng dụng phục vụ xã hội.

- **PLO 15:** Có khả năng thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác trong các hoạt động chuyên môn.

- **PLO 16:** Tự chủ, trung thực và trách nhiệm trong học tập, nghiên cứu, khai thác, trích dẫn và công bố những kết luận chuyên môn đáng tin cậy; dũng cảm và tự tin khi bảo vệ kết luận mang tính chuyên gia của mình.

- **PLO 17:** Tôn trọng giá trị khác biệt của các nền văn hóa trên thế giới, các giá trị di tích và di vật khảo cổ học Việt Nam; giữ gìn và phát huy các giá trị di tích khảo cổ học trong bối cảnh phát triển kinh tế văn hóa hiện nay. Có tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc; đấu tranh cho công bằng, dân chủ, văn minh của xã hội.

6. Vị trí công tác sau khi tốt nghiệp

- Các loại hình vị trí việc làm:

+ Nghiên cứu ở các viện và trung tâm nghiên cứu, các cơ quan nhà nước và đoàn thể xã hội có yêu cầu chuyên môn liên quan trực tiếp đến kiến thức khảo cổ học, lịch sử

và văn hóa, di sản văn hóa;

+ Giảng dạy khảo cổ học, lịch sử và văn hóa, di sản văn hóa tại các trường đại học, học viện, cao đẳng, phổ thông trung học;

+ Quản lý, khai thác và phát triển tư liệu khảo cổ học, lịch sử và văn hóa, di sản văn hóa; quản lý, khai thác và phát triển bảo tàng, di tích, di sản văn hóa;

+ Làm công tác khảo cổ học, lịch sử và văn hóa, di sản văn hóa... ở các cơ quan nhà nước, đoàn thể xã hội và các tổ chức ngoài công lập;

+ Biên tập viên, nhà sáng tác, nhà báo, dịch thuật;

+ Hướng dẫn viên du lịch;

+ Tư vấn, thiết kế, sáng tạo các sản phẩm lịch sử - văn hóa ở các công ty, tập đoàn trong và ngoài nước;

+ Công việc liên quan đến các vấn đề thuộc khối khoa học xã hội và nhân văn.

- *Các loại hình cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp có khả năng và cơ hội làm việc phù hợp:*

+ Các Viện Nghiên cứu thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam: Viện Sử học, Viện Khảo cổ học, Viện Dân tộc học - Nhân học, Viện Nghiên cứu Tôn giáo...;

+ Các trường đại học, học viện, cao đẳng, phổ thông có giảng dạy khảo cổ học, lịch sử và văn hóa, di sản văn hóa, cơ sở văn hóa Việt Nam;

+ Các cơ quan nhà nước, đoàn thể (các cơ quan trung ương của hệ thống chính trị, các cơ quan báo chí truyền thông, UBND các cấp, bảo tàng, các trung tâm nghiên cứu lịch sử - văn hoá, các đơn vị quản lý di tích lịch sử, di sản văn hóa, các nhà xuất bản, các nhà sách, tạp chí chuyên ngành lịch sử...) và các tổ chức ngoài công lập có sử dụng kiến thức khảo cổ học, lịch sử và văn hóa, di sản văn hóa;

+ Các công ty, tập đoàn trong và ngoài nước hoạt động trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các mặt hàng, sản phẩm, dịch vụ có liên quan đến tri thức khảo cổ học, lịch sử và văn hóa, di sản văn hóa, đất nước và con người Việt Nam.

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Có khả năng tiếp tục tự nghiên cứu, tự học tập, cập nhật kiến thức về lý luận, phương pháp và thực tiễn phục vụ nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn và thực hành lịch sử, khảo cổ học.

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

1.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	100 tín chỉ, trong đó:
- Các học phần tiến sĩ:	12 tín chỉ
+ Bắt buộc:	09 tín chỉ
+ Tự chọn:	03 tín chỉ/12 tín chỉ
- Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH:	08 tín chỉ
+ Chuyên đề tiến sĩ:	06 tín chỉ
+ Tiểu luận tổng quan:	02 tín chỉ
+ Nghiên cứu khoa học (<i>không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT</i>)	
- Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (<i>không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT</i>)	
- Luận án tiến sĩ:	80 tín chỉ

2.2. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	130 tín chỉ, trong đó:
- Học phần bổ sung:	30 tín chỉ
+ Bắt buộc:	15 tín chỉ
+ Tự chọn:	15 tín chỉ/31 tín chỉ
- Các học phần tiến sĩ:	12 tín chỉ
+ Bắt buộc:	09 tín chỉ
+ Tự chọn:	03 tín chỉ/12 tín chỉ
- Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH:	08 tín chỉ
+ Chuyên đề tiến sĩ:	06 tín chỉ
+ Tiểu luận tổng quan:	02 tín chỉ
+ Nghiên cứu khoa học (<i>không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT</i>)	

- Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT*)

- Luận án tiến sĩ: **80** tín chỉ

2. Khung chương trình

2.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Các học phần tiến sĩ		12				
I.1	Các học phần bắt buộc		9				
1	HIS8089	Khảo cổ học Đại Việt <i>Daiviet Archaeology</i>	3	40	10	100	
2	HIS8172	Các trường phái khảo cổ học hiện đại <i>Trends in Modern Archaeology</i>	3	40	10	100	
3	HIS8051	Khảo cổ học 10 thế kỉ đầu Công nguyên <i>Archaeology of the First Millennium C.E in Vietnam</i>	3	40	10	100	
I.2	Các học phần tự chọn		3/12				
4	HIS8090	Khảo cổ học Champa <i>Champa Archaeology</i>	3	40	10	100	
5	HIS8169	Khảo cổ học Óc Eo và vấn đề vương quốc Phù Nam <i>Óc Eo Archaeology and the matters of Funan kingdom</i>	3	40	10	100	
6	HIS8173	Lịch sử kiến trúc và nghệ thuật điêu khắc Việt Nam <i>History of Architecture and Sculpture in Vietnam</i>	3	40	10	100	
7	HIS8171	Thời đại kim khí Việt Nam: thành tựu và vấn đề <i>The Metal Age in Vietnam: Achievements and Issues</i>	3	40	10	100	
II	Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH		8				
II.1	Chuyên đề tiến sĩ		6				
8	HIS8015	Chuyên đề 1 <i>Special Topics 1</i>	2	0	0	100	
9	HIS8016	Chuyên đề 2 <i>Special Topics 2</i>	2	0	0	100	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
10	HIS8017	Chuyên đề 3 <i>Special Topics 3</i>	2	0	0	100	
II.2	Tiểu luận tổng quan		2				
11	HIS8386	Tổng quan về tình hình nghiên cứu <i>Overview of Literature</i>	2	0	0	100	
II.3	Nghiên cứu khoa học NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành theo quy định dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn.						
III	Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định. Đơn vị đào tạo bố trí cho nghiên cứu sinh trong quá trình làm luận án tham gia các hoạt động đào tạo tại đơn vị như giảng dạy, trợ giảng, hướng dẫn sinh viên, học viên cao học thực hành, thực tập, nghiên cứu khoa học, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp.						
IV	Luận án		80				
12	HIS9005	Luận án Tiến sĩ <i>PhD Thesis</i>	80	0	0	4000	
Tổng cộng			100				

2.2. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Học phần bổ sung		30				
I.1	Các học phần bắt buộc		15				
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	55	10	135	
2	HIS6167	Một số vấn đề cơ bản về lý luận sử học <i>Major Issues of Historiographical Theory</i>	3	40	10	100	
3	HIS6202	Quá trình phát triển các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử Việt Nam <i>The Development of Socio-Economic Forms in Vietnamese History</i>	3	40	10	100	
4	HIS6168	Đông Nam Á và quá trình hội nhập	3	40	10	100	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		nhập của Việt Nam <i>Southeast Asia and the Integration of Vietnam</i>					
5	HIS6574	Những nội dung cơ bản của khảo cổ học Việt Nam <i>Key contents in Vietnamese Archaeology</i>	2	25	10	65	
I.2	Các học phần tự chọn		15/31				
6	HIS6199	Khảo cổ học và/với di sản <i>Archaeology and/with Heritage</i>	3	40	10	100	
7	HIS6540	Vấn đề biên giới, lãnh thổ và chủ quyền biển đảo của Việt Nam - Từ lịch sử đến hiện tại <i>The Issues of Maritime and Territorial Boundary and Sovereignty of Vietnam: From Past to Present</i>	3	40	10	100	
8	HIS6553	Tính thống nhất và đa dạng trong văn hóa Việt Nam <i>Unity and Diversity of Vietnamese Culture</i>	3	40	10	100	
9	HIS6208	Các phương pháp nghiên cứu khảo cổ học sau khai quật <i>Post-Excavation Research Methods</i>	2	25	10	65	
10	HIS6209	Một số vấn đề khảo cổ học khu vực <i>Some Issues in Regional Archaeology</i>	2	25	10	65	
11	HIS6211	Một số vấn đề khảo cổ học hiện đại <i>Key Concerns in Modern Archaeology</i>	2	25	10	65	
12	HIS6210	Khảo cổ học nghệ thuật và kiến trúc cổ Việt Nam <i>Vietnam Art and Architecture Archaeology</i>	2	25	10	65	
13	HIS6216	Khảo cổ học nghi lễ và tôn giáo <i>Archaeology of Ritual and Religion</i>	2	25	10	65	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
14	HIS6217	Gốm sứ học và lịch sử gốm sứ Việt Nam <i>Ceramic Studies and the History of Vietnamese Ceramics</i>	2	25	10	65	
15	HIS6218	Khảo cổ học đô thị cổ Việt Nam <i>Vietnam Ancient Urban Archaeology</i>	2	25	10	65	
16	HIS6219	Khảo cổ học thương mại <i>Archaeology of Trade and Merchandise</i>	2	25	10	65	
17	HIS6573	Khảo cổ học biển đảo Việt Nam <i>Maritime and Island Archaeology in Vietnam</i>	2	25	10	65	
18	HIS6220	Khảo cổ học nông nghiệp <i>Archaeology of Agriculture</i>	2	25	10	65	
19	HIS6575	Chính sách di sản khảo cổ học <i>Politics of Archeological Heritage</i>	2	25	10	65	
II	Các học phần tiên sĩ		12				
II.1	Các học phần bắt buộc		9				
20	HIS8089	Khảo cổ học Đại Việt <i>Daiviet Archaeology</i>	3	40	10	100	
21	HIS8172	Các trường phái khảo cổ học hiện đại <i>Trends in Modern Archaeology</i>	3	40	10	100	
22	HIS8051	Khảo cổ học 10 thế kỉ đầu Công nguyên <i>Archaeology of the First Millennium C.E in Vietnam</i>	3	40	10	100	
II.2	Các học phần tự chọn		3/12				
23	HIS8090	Khảo cổ học Champa <i>Champa Archaeology</i>	3	40	10	100	
24	HIS8169	Khảo cổ học Óc Eo và vấn đề vương quốc Phù Nam <i>Óc Eo Archaeology and the matters of Funan kingdom</i>	3	40	10	100	
25	HIS8173	Lịch sử kiến trúc và nghệ thuật điêu khắc Việt Nam	3	40	10	100	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		<i>History of Architecture and Sculpture in Vietnam</i>					
26	HIS8171	Thời đại kim khí Việt Nam: thành tựu và vấn đề <i>The Metal Age in Vietnam: Achievements and Issues</i>	3	40	10	100	
III	Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH		8				
III.1	Chuyên đề tiến sĩ		6				
27	HIS8015	Chuyên đề 1 <i>Special Topics 1</i>	2	0	0	100	
28	HIS8016	Chuyên đề 2 <i>Special Topics 2</i>	2	0	0	100	
29	HIS8017	Chuyên đề 3 <i>Special Topics 3</i>	2	0	0	100	
III.2	Tiểu luận tổng quan		2				
30	HIS8386	Tổng quan về tình hình nghiên cứu <i>Overview of Literature</i>	2	0	0	100	
III.3	Nghiên cứu khoa học NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành theo quy định dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn.						
IV	Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định. Đơn vị đào tạo bố trí cho nghiên cứu sinh trong quá trình làm luận án tham gia các hoạt động đào tạo tại đơn vị như giảng dạy, trợ giảng, hướng dẫn sinh viên, học viên cao học thực hành, thực tập, nghiên cứu khoa học, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp.						
V	Luận án		80				
31	HIS9005	Luận án Tiến sĩ <i>PhD Thesis</i>	80	0	0	4000	
Tổng cộng			130				

Lưu ý: Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lí thuyết

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá